TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2024
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Từ Tứ Hải
- Ông Ngô Rô Be

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang: *Không tham gia phiên toà.*

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thuý H,** sinh năm: 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Tây C, xã C, huyện S, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn A**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Thuý H trình bày: Chị và anh Phạm Văn A chung sống với nhau vào ngày 29/9/2019 có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2019 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang, trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau 1 năm, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm giữa năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng và có lối sống không phù hợp nên thường xuyên bất hoà, cự cải,

đời sống chung không thấy hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không khả năng hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Lê Thảo N, sinh ngày 27/06/2020.

Cháu N đang sống chung với mẹ.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên toà chị Lê Thị Thuý H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn A.

- *Về con chung:* Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Lê Thảo N, sinh ngày 27/06/2020. Chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn A: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho anh Phạm Văn A tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh A đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Phạm Văn A đang cư trú tại ấp Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phạm Văn A mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía chị Hồng đồng ý xét xử vắng mặt anh A. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị H là hôn nhân hợp pháp, vì anh, chị chung sống với nhau vào năm 2019 và có đăng

ký kết hôn vào ngày 04/11/2019 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng và có lối sống không phù hợp nên thường xuyên bất hoà, cự cải, đời sống chung không thấy hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị H xác định tình cảm giữa chị và anh A không còn, vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn nên chị cương quyết ly hôn với anh A.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân vợ chồng anh A, chị H không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,….", điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh A tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập anh A tham gia phiên tòa nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ rằng anh A không có thiện chí muốn hòa giải để trở về tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị H. Hội đồng sơ thẩm xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng anh A, chị H có 01 con chung tên Phạm Lê Thảo N, sinh ngày 27/06/2020, từ ngày vợ chồng ly thân cho đến nay cháu N vẫn được chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, cháu N, sinh năm 2020 hiện nay vẫn còn nhỏ rất cần sự quan, chăm sóc, giáo dục từ người mẹ. Do đó, để đảm bảo điều kiện ổn định cho cháu N được phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, Hồi đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Phạm Lê Thảo N, sinh ngày 27/06/2020 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng, Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thuý H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn với anh A.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Lê Thảo N, sinh ngày 27/06/2020 cho chị Lê Thị Thuý H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn A được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Thuý H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thuý H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thuý H được ly hôn với anh Phạm Văn A.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Lê Thảo N, sinh ngày 27/06/2020 cho chị Lê Thị Thuý H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn A được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thuý H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003637 ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thuý H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với anh Phạm Văn A có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
-THA dân sự huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt